TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 12-7- 2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọn;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thị xã D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đại B, sinh năm 1974;
Thường trú: 1D11/8D, khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1977;
Thường trú: 1D11/8D, khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
Tạm trú: Tổ 20, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trần Đại B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đại B và chị Nguyễn Thị Cẩm N có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, đến năm 1995 thì tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau. Do khi tổ chức lễ cưới cho rằng chị N chưa đủ tuổi kết hôn nên hai bên không tiến hành đăng ký kết hôn, cho đến nay anh chị cũng không đăng ký kết hôn ở cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới anh Trần Đại B và chị Nguyễn Thị Cẩm N sống ở quê Nam Định một thời gian, đến năm 2000 thì vào sinh sống tại thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến

năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn về tính cách, về quan điểm sống và phong cách sống dẫn tới thường xuyên xảy ra cãi nhau, có xảy ra xô xát, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị N bỏ ra sống riêng ở thị xã D, tỉnh Bình Dương cùng với con chung từ năm 2014, vợ chồng sống ly thân từ cho đến nay. Nay anh Trần Đại B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) với chị Nguyễn Thị Cẩm N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Trần Đại B và chị Nguyễn Thị Cẩm N có 02 con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 18/12/1996 và Trần Nhật Quang H, sinh ngày 17/3/2005. Anh Trần Đại B đồng ý giao con tên Trần Nhật Quang H cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Trần Thị Thu Tr đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Trần Đại B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 19/5/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm N thống nhất với phần trình bày của anh Trần Đại B về thời gian tìm hiểu, việc sống chung mà không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài nên đồng ý ly hôn (không công nhận vợ chồng) theo yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đại B.

Về con chung: Chị N thống nhất chị và anh B có 02 con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 18/12/1996 và Trần Nhật Quang H, sinh ngày 17/3/2005. Sau khi Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nhật Quang H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Trần Thị Thu Tr đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Trần Đại B được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị N và anh B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về hôn nhân, Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Trần Đại B chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân không hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn trong một thời gian dài, không thể hàn gắn. Về con chung, chị N hiện đang nuôi con và anh B, chị N đều thống nhất để cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhật Quang H, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi; về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh B là có căn cứ đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Trần Đại B thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tạm trú tại phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Đại B và bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đại B và chị Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đại B và chị Nguyễn Thị Cẩm N do không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì vậy yêu cầu không công nhận vợ chồng của anh Trần Đại B là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Trần Đại B và chị Nguyễn Thị Cẩm N có 02 con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 18/12/1996 và Trần Nhật Quang H, sinh ngày 17/3/2005. Tại buổi hòa giải ngày 19/5/2017, các bên thống nhất giao con chung tên Trần Nhật Quang H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cháu Trần Nhật Quang H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Cẩm N (theo bản tự khai ngày 19/5/2017). Do đó, việc giao con chung cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Cẩm N về việc không yêu cầu anh Trần Đại B cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Thị Thu Tr đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B và chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Đại B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 144, 147, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Đại B và chị Nguyễn Thị Cẩm N.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Đại B giao con chung là Trần Nhật Quang H, sinh ngày 17/3/2005 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Đại B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Đại B và chị Nguyễn Thị Cẩm N đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Đại B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0009262 ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh BD;*
- *VKSND thị xã Dĩ An;*
- *Chi cục THA DS thị xã Dĩ An;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Kiều Thị Uyên